ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 41 /2016/QĐ-UBND	*Sóc Trăng, ngày 19 tháng 12 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 66/2016/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc nhà nước, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- VP.Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ TN&MT;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh ST;
- UBMTTQVN tỉnh, các Đoàn thể tỉnh;
- Báo ST, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Hộp thư điện tử: phongkiemtravanban2012@gmail.com;
- Lưu: VT, KT, TH, XD, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiểu

Scanned by CamScanner

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định về mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa (sau đây gọi tắt là Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ).

2. Đất chuyên trồng lúa nước là đất trồng được hai vụ lúa nước trở lên trong năm khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất (gọi chung là người sử dụng đất) khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp phải nộp một khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

1. Người sử dụng đất quy định tại Khoản 1 Điều 2 Quy định này, ngoài nghĩa vụ tài chính về đất đai theo pháp luật còn phải nộp một khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

2. Mức tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa được xác định như sau:

Mức tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa = 60% (x) diện tích (x) giá của loại đất trồng lúa; trong đó:

a) Diện tích là phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp được ghi cụ thể trong Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng

Scanned by CamScanner

đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

b) Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

Điều 4. Tổ chức thu, nộp số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

1. Người sử dụng đất có trách nhiệm kê khai số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, gửi Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh (đối với cơ quan, tổ chức sử dụng đất) và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố (đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất) thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường cùng thời điểm với việc nộp hồ sơ đề nghị giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

2. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ bản kê khai của người sử dụng đất và văn bản xác định vị trí, diện tích đất chuyên trồng lúa nước của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển đến, Sở Tài chính (đối với cơ quan, tổ chức sử dụng đất) hoặc Phòng Tài chính Kế hoạch (đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất) xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp, ra thông báo nộp tiền và gửi cho người sử dụng đất.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tài chính hoặc Phòng Tài chính Kế hoạch, người sử dụng đất có trách nhiệm nộp đủ số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo thông báo.

Điều 5. Quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

Số tiền thu được theo Điều 3 Quy định này được nộp vào ngân sách tỉnh, hạch toán mục lục ngân sách mục thu khác, tiểu mục 4914 và được sử dụng chi cho các nội dung quy định tại Điều 8 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 4 Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của người sử dụng đất

1. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai và nộp đầy đủ khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách theo Điều 3 Quy định này.

2. Lập bản kê khai số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước được nhà nước giao, cho thuê đất theo Khoản 1 và Khoản 3 Điều 4 Quy định này.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đã nộp.

Scanned by CamScanner

4. Thực hiện đúng các quy định tại Điều 6 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 7. Trách nhiệm của các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn Ủy bản nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xác định cụ thể diện tích, ranh giới đất trồng lúa, lập bản đồ đất trồng lúa theo quy định.

b) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai:

- Căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hướng dẫn người sử dụng đất kê khai hồ sơ, tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, thống nhất thông tin của hồ sơ theo quy định; xác định cụ thể vị trí, diện tích đất chuyên trồng lúa nước được chuyển thành đất phi nông nghiệp; gửi cơ quan tài chính để xác định và thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

- Kiểm tra kết quả nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trước khi thực hiện thủ tục bàn giao đất, cấp trích lục bản đồ khu đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Trường hợp chưa nộp tiền vào ngân sách tỉnh thì yêu cầu người sử dụng đất nộp tiền trước khi thực hiện thủ tục bàn giao đất, cấp trích lục bản đồ khu đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

d) Hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

đ) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

a) Căn cứ hồ sơ và thông tin địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh chuyển đến để xác định và thu nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của người sử dụng đất vào ngân sách tỉnh theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan, căn cứ kế hoạch chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh hàng năm, dự kiến khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa để tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

c) Hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả khai hoang, phục hóa, cải tạo đất và bổ sung diện tích đất trồng lúa nước bị mất do chuyển mục đích sử dụng.

4. Kho bạc nhà nước tỉnh

Scanned by CamScanner

Tổ chức và chỉ đạo Kho bạc nhà nước trực thuộc thực hiện thu nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách tỉnh theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định cụ thể vị trí, diện tích đất chuyên trồng lúa nước được chuyển thành đất phi nông nghiệp.

b) Hàng năm, tổng hợp báo cáo kết quả khai hoang, phục hóa, cải tạo đất và bổ sung diện tích đất trồng lúa bị mất do chuyển mục đích sử dụng trên địa bàn cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chỉ đạo Phòng Tài chính Kế hoạch phối hợp Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai và các cơ quan có liên quan xác định, thu nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quy định này.

d) Tổ chức công khai và quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa của địa phương đã được xét duyệt theo đúng quy định.

đ) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc bảo vệ diện tích, chỉ giới, chất lượng đất lúa nước theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được phê duyệt.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác chưa được quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn thực hiện do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban ngành, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiểu

Scanned by CamScanner